TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoài;

2. Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh -Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K- Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 108, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn O, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người phiên dịch: Ông Phạm Văn X- Chuyên viên Trung tâm truyền thông văn hóa thể thao huyện Ba Tơ (phiên dịch tiếng Hre).

Chị S, ông K, anh X có mặt tại phiên tòa, anh O vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/3/2022 và trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:*

Chị S và anh O kết hôn vào ngày 17/10/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, hiện chị và anh O đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh O.

- Về con chung: Chị S và anh O có 02 người con chung tên là Phạm Thị Thủy C, sinh ngày 28/5/2014, Phạm Văn K, sinh ngày 12/6/2016. Nếu ly hôn, chị S yêu cầu được nuôi hai cháu C, K và yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi hai cháu C, K đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị S trình bày không có.

** Bị đơn anh Phạm Văn O đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến nay anh Phạm Văn O vẫn không có ý kiến gì.*

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Tình cảm của chị S đối với anh O không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị S được ly hôn với anh O; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Phạm Thị Thủy C, sinh ngày 28/5/2014, Phạm Văn K, sinh ngày 12/6/2016 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn O phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi hai cháu C, K đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Chị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn O.

- Về con chung: Giao hai con chung Phạm Thị Thủy C, sinh ngày 28/5/2014, Phạm Văn K, sinh ngày 12/6/2016 cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Văn O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi hai cháu C, K đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2022.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn O có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn anh Phạm Văn O vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị S và anh Phạm Văn O được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp. Chị S trình bày cuộc sống chung của chị và anh O phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả và hiện nay đã sống ly thân. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh O nhưng đến nay anh O vẫn không có ý kiến gì, điều đó chứng tỏ chị S và anh O đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị S yêu cầu ly hôn với anh O là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa chị S yêu cầu được nuôi hai cháu Phạm Thị Thủy C, sinh ngày 28/5/2014, Phạm Văn K, sinh ngày 12/6/2016 và yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi hai cháu C, K đủ 18 tuổi; anh O đến nay không có ý kiến. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và lời trình bày của chị S thì hiện nay anh O làm nghề phụ hồ và thu nhập trung bình một tháng khoảng 6.000.000đ/tháng. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập của hai cháu, Hội đồng xét xử xét thấy giao hai cháu C, K cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; anh O phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi hai cháu C, K đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2022. Anh O có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phạm Văn O phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Phạm Văn O.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Phạm Thị Thủy C, sinh ngày 28/5/2014, Phạm Văn K, sinh ngày 12/6/2016 cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn O phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị S mỗi cháu mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng/cháu/tháng (Một triệu đồng) cho đến khi hai cháu C, K đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9 năm 2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Phạm Văn O có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí*:* Chị Phạm Thị S phải chịu số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) chị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001048 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Phạm Văn O phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26/9/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ba Liên, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Ngoan